

## Dân cư đô thị và chương trình kế hoạch hóa gia đình (Một số kết quả từ nghiên cứu KAP)

PHẠM BÁ NHẤT

Theo lý thuyết sự chậm trễ văn hóa của Kiysley Davis thì một ý tưởng mới mẻ về gia đình ít con và kế hoạch hóa gia đình sẽ lan truyền dần từ các nước đã phát triển sang các nước đang phát triển, từ khu vực đô thị sang nông thôn, từ các tầng lớp cao sang các tầng lớp thấp.

Vấn đề đặt ra là ý tưởng gia đình ít con và kế hoạch hóa gia đình được tiếp nhận như thế nào ở các đô thị Việt Nam. Bài viết này sẽ trình bày một số kết quả thu được từ cuộc nghiên cứu KAP (kiến thức, thái độ và việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình) do Viện Xã hội học tiến hành với tài trợ của ủy ban Quốc gia dân số cùng Quỹ dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) tại đô thị bảy tỉnh trọng điểm trong chương trình dân số do UNFPA tài trợ kích thước mẫu là 497 nam có vợ trong độ tuổi sinh đẻ và 950 nữ trong độ tuổi sinh đẻ ở bảy đô thị của bảy tỉnh nghiên cứu.

### 1. Số con trung bình muốn có:

**Bảng 1: Số con trung bình muốn có ở các đô thị của bảy tỉnh trọng điểm:**

	Yên Bái	Hà Bắc	Thái Bình	Q. Nam Đà Nẵng	Phú Yên	Khánh Hòa	Sông Bé
Con trai	0,98	1,1	1,03	1,14	1,52	1,42	1,19
Nam: Con gái	0,78	0,72	0,49	0,96	1,1	1,14	0,82
Con muốn có	1,86	1,98	1,76	2,15	2,64	2,55	2,24
Nữ: Con trai	1,0	1,01	1,01	1,14	1,42	1,37	0,93
Con gái	0,74	0,75	0,64	0,95	1,2	1,19	0,74
Con muốn có	1,74	1,86	1,71	2,15	2,63	2,56	2,14

Nhìn chung, ý tưởng về một gia đình ít con đã có điều kiện du nhập vào trong thái độ của những người dân thành phố. Với quy mô xấp xỉ trên dưới hai con, đây là số con mong muốn cho các tỉnh phía Bắc, Quảng Nam - Đà Nẵng ở miền Trung và Sông Bé cạnh thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, nhóm thị xã của tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa ở cuối miền Trung vẫn muốn có một số con tương đối cao hơn: trên 2,5 con. Mặc dù nằm ở trình độ phát triển rất khác nhau, 3 đô thị phía Bắc đều có số con muốn có dưới hai con cho cả nam

lần nữ trong đó nữ muốn có ít hơn nam một chút: sự lâu năm của chương trình kế hoạch hóa gia đình đã là nguyên nhân đưa đến việc lý tưởng mới về một gia đình ít con được chấp nhận ở đây. Trong khi đó, đô thị ở tất cả các tỉnh phía Nam cũ đều có số con muốn có trên 2,1 con. Đà Nẵng một đô thị của tỉnh có chương trình kế hoạch hóa gia đình phát triển muốn có 2,15 con cho cả nam lẫn nữ. Tỉnh lỵ Sông Bé, một đô thị vừa phải nhưng gần với thành phố Hồ Chí Minh có số con muốn có là 2,24 con cho nam và 2,14 con cho nữ. Có thể, nếu chương trình kế hoạch hóa gia đình được phát triển hơn nữa tại khu vực cuối miền Trung thì dân cư đô thị này có thể chấp nhận được quy mô gia đình muốn có là 2 con trong những năm sắp tới.

Bảng 2: Sự thỏa mãn với kiến thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình ở đô thị 7 tỉnh trọng điểm:

	Yên Bái	Hà Bắc	Thái Bình	Q.Nam - Đà Nẵng	Phú Yên	Khánh Hòa	Sông Bé	
Nam	Thỏa mãn	70,2	62,0	80,4	80,6	50,5	83,2	85,3
	Muốn biết thêm	20,8	36,0	19,6	16,5	48,5	16,0	11,8
	Không biết	0,0	2,0	0,0	2,9	1,5	0,8	2,9
	Không trả LỜI	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Nữ	Thỏa mãn	73,0	72,9	80,8	73,5	53,4	78,6	83,3
	Muốn biết thêm	21,2	27,1	19,2	24,5	41,2	19,7	6,1
	Không biết	0,8	0,0	0,0	2,0	5,3	1,3	10,6
	Không trả LỜI	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,4	0,0

Với một số con muốn có nhìn chung là ít hoặc đang nghiêng về phía ít con, tiền đề cần thiết để có một sự tự nguyện tìm hiểu và chấp nhận các biện pháp kế hoạch hóa gia đình đã có. Số liệu ở các đô thị về sự thỏa mãn với kiến thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình cho thấy đôi điều lý thú. Nếu số con muốn có ở đô thị phía Bắc không chênh lệch nhau nhiều thì mức độ thỏa mãn lại có sự chênh lệch nhau khá đáng kể. Mức độ thỏa mãn ở Thái Bình là trên 80% trong khi ở Hà Bắc chỉ có 62% cho nam giới và 72,9% cho nữ giới, điểm có thể gợi ý cho thấy những kiến thức cụ thể, thiết thực để có được một gia đình hai con vẫn cần có sự gia tăng rất đáng kể ở các khu vực khác nhau, đặc biệt là cho nam giới. Chưa kể đến việc kiến thức đó có hiệu quả như thế nào, việc có khoảng từ 20% tới 40% dân cư đô thị phía Bắc chưa được thỏa mãn về kiến thức về dân số kế hoạch hóa gia đình đã là điểm rất đáng suy nghĩ, và việc này chắc chắn không thúc đẩy tốt cho sự lan truyền kiến thức ở các khu vực nông thôn.

Trong khi đó, ở các đô thị, phía Nam, trừ tỉnh Phú Yên, mức độ thỏa mãn khá cao: trên 80% đối với nam giới và từ 73,5% tới 83,3% đối với nữ giới với sự thỏa mãn của nam giới cao hơn nữ giới. Sự phát triển có vẻ đã ảnh hưởng nhiều đến tỷ lệ thỏa mãn cao của nhân dân (khuyển hướng khác biệt giữa nam là nữ và cũng phần nào cho thấy số con họ muốn có phản ánh tương đối sát hơn nguyện vọng tự nhiên của họ về số con trong gia đình.

Mức độ thỏa mãn của Phú Yên kém nhất: 50,5% nam và 53,4% nữ. Sự thỏa mãn này có lẽ chủ yếu là do chương trình kế hoạch hóa gia đình mang lại trong những năm gần đây chứ không phải là sản phẩm tự có của chương trình phát triển.

\*

\* \*

## 2. Việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình:

Các số liệu về tỷ lệ hiện đang sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình đưa ra một bức tranh khá là tản mạn về việc thực thi các biện pháp ở các khu vực thuộc các tỉnh khác nhau. Không quan sát thấy xu hướng về mối liên quan giữa tỷ lệ những người sử dụng các biện pháp tránh thai với trình độ phát triển của các khu vực đô thị nơi những người trả lời sinh sống. Thị xã Thái Bình, một khu vực đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ và không có gì nổi bật về trình độ phát triển, có tỷ lệ người không sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình thấp nhất: 7,8% cho nam giới và 11,1% cho nữ giới. Tỷ lệ không sử dụng cao nhất thuộc về hai tỉnh: Yên Bái và Khánh Hòa. Túi cao su, một biện pháp tránh thai vốn rất đặc trưng cho nhóm dân cư đô thị, lại đạt tỷ lệ sử dụng cao nhất ở tỉnh Phú Yên, một tỉnh không thể nào nói có trình độ phát triển và đô thị hóa cao được: 36,8% cho nam giới và 24,2% cho nữ giới, vượt xa một tỉnh khá phát triển và có đô thị lớn là Quảng Nam Đà Nẵng,

**Bảng 3: Tỷ lệ người hiện đang sử dụng kế hoạch hóa gia đình đô thị thuộc 7 tỉnh trọng điểm:**

Yên Bái	Hà Bắc	Thái Bình	Q.Nam Đà Nẵng	Phú Yên	Khánh Hòa	Sông Bé	
Không sử dụng	13,1	14,0	7,8	11,7	10,3	19,3	11,8
Vòng	33,1	38,0	21,6	35,0	5,9	38,7	38,2
Thuốc	0,0	4,0	3,9	0,0	0,0	4,2	5,9
Nam Túi cao su	7,8	14,0	21,6	25,2	36,8	10,9	8,8
Triệt sản	2,8	2,0	3,9	6,8	4,4	3,4	5,9
Tính lịch	13,1	14,0	31,4	14,6	22,1	21,0	23,5
Xuất tinh ngoài	36	20,0	43,1	18,4	29,4	9,2	11,8
Khác		2,0	0,0	1,0	4,4	3,4	2,9
Không sử dụng	1,9	10,4	11,1	13,3	12,1	17,5	12,1
Vòng	4,2	43,8	38,4	38,8	22,7	45,0	43,9
Thuốc	0,0	2,1	2,0	0,0	0,0	4,4	6,1
Nữ Túi cao su	0,8	8,3	12,1	18,9	24,2	8,7	9,1
Triệt sản	0,0	3,1	3,0	5,6	3,8	3,1	3,0
Tính lịch	18,9	18,8	26,3	16,8	20,5	17,5	21,2
Xuất tinh ngoài	10,9	18,8	30,3	14,8	22,0	6,6	7,6
Khác	0,0	1,0	0,0	1,0	3,8	1,7	1,5

khá xa. Tình này chỉ có 25,2% nam giới và 18,9% nữ giới sử dụng túi cao su. Thuốc, một biện pháp khác cũng rất đặc trưng cho nhóm dân đô thị và có học chỉ có tỷ lệ sử dụng là

0,0%, cả ở hai tỉnh nói trên. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp khác cũng dao động không theo quy luật nào xuyên qua các tỉnh, điểm cho phép giả định rằng chúng là kết quả của các nỗ lực khác nhau, các khả năng cung cấp khác nhau trong chương trình kế hoạch hoá gia đình của các tỉnh khác nhau.

\*

\* \*

Như vậy, số liệu thu được từ một nghiên cứu KAP năm 1993 cho thấy ở một chừng mực nào đó, các ý tưởng về một gia đình ít con, về kiến thức trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình, về việc sử dụng, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình đã được lan truyền trong các cư dân sống tại các khu vực đô thị khác nhau tại 7 tỉnh được nghiên cứu. Tuy nhiên, số liệu này chưa cho phép đi đến kết luận là các kết quả đó là sản phẩm tự nó, chắc chắn của một trình độ phát triển cao hơn của các khu vực đô thị. Mà điểm này lại rất quan trọng. Vì để đạt được sự cất giảm vững bền tỷ lệ phát triển dân số, các khu vực đô thị phải là những điểm đi đầu với nhu cầu tự nó về một quy mô gia đình ít con, về sự thỏa mãn trong kiến thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng như về tỷ lệ cao những người trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng chúng. Dường như tất cả những điểm này vẫn là sự cố gắng của chương trình kế hoạch hóa gia đình cố đưa từ bên ngoài vào cho các cộng đồng dân cư đô thị chứ chưa trở thành nhu cầu nội tại của đa số cư dân đô thị. Và điều này đặt ra một bài toán bức thiết về việc cần phải phát triển đô thị Việt Nam để sao cho các ý tưởng mới mẻ về dân số và kế hoạch hóa gia đình trở thành một nhu cầu nội tại của nó. Và chỉ có như vậy mới có hy vọng về một sự thành công của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.